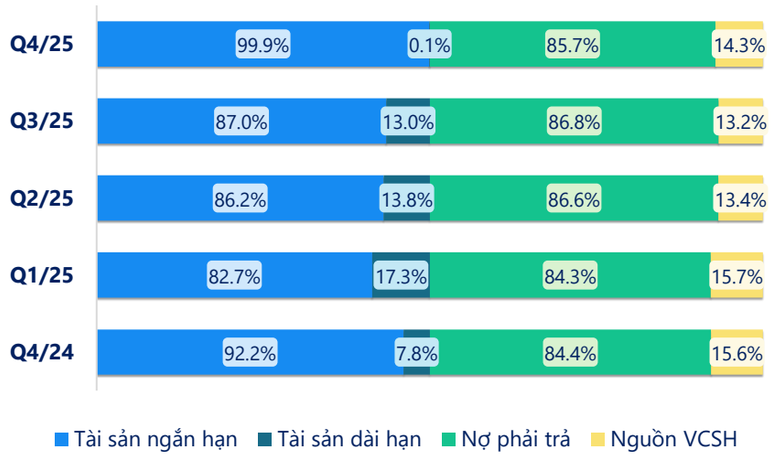
FireAnt

CTCP Tập đoàn Xây dựng SCG (HNX: SCG)

Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	64,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	81,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	60,700
SL cổ phiếu LH	85,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	22,255
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	5,457
P/E	17.2
EPS	3,738

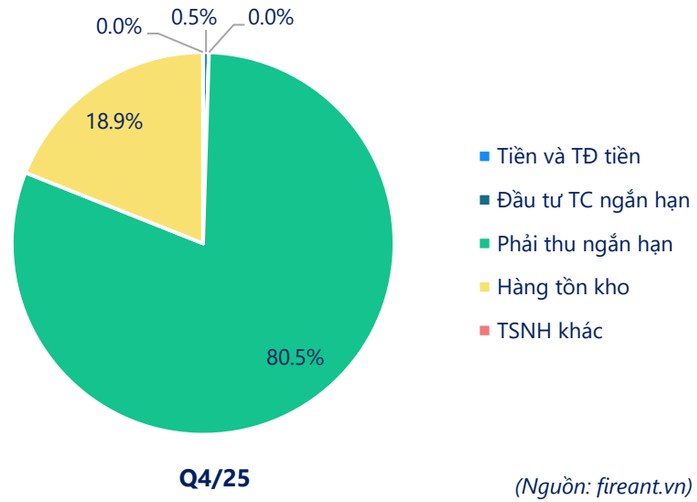
	YTD	1T	3T	6T
SCG	-1.8%	-3.6%	-3.6%	-2.0%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



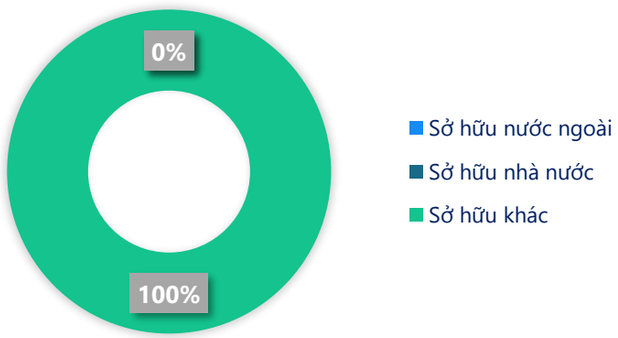
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



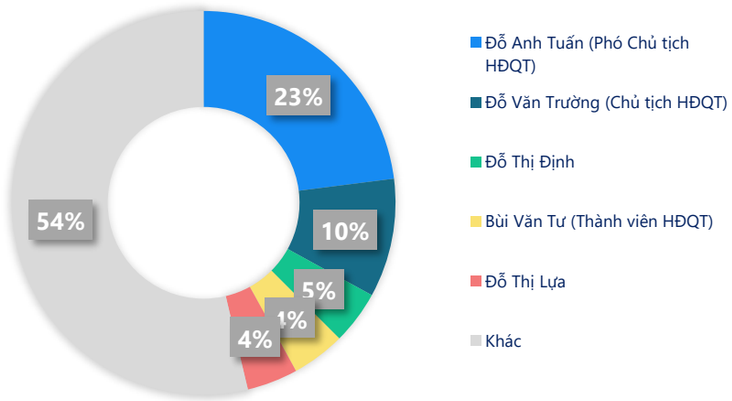
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



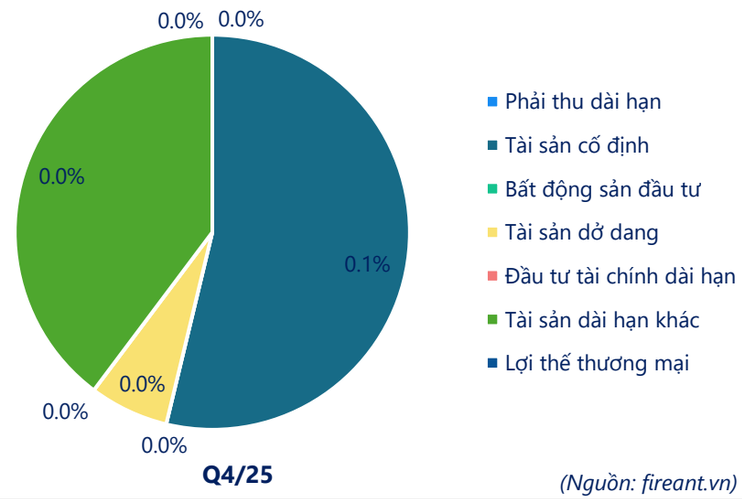
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

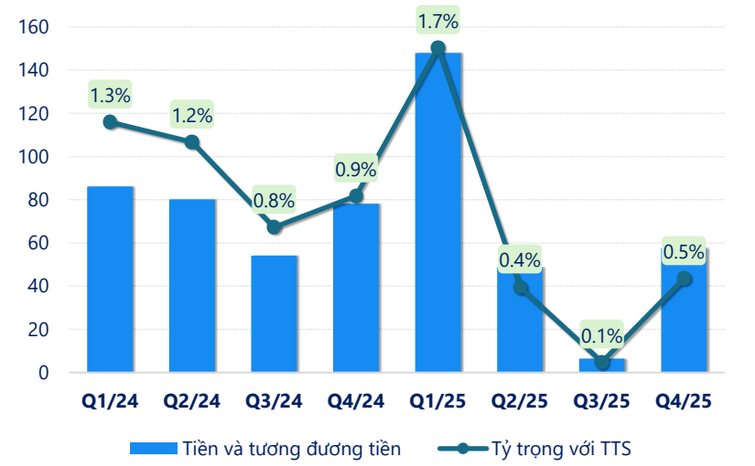


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

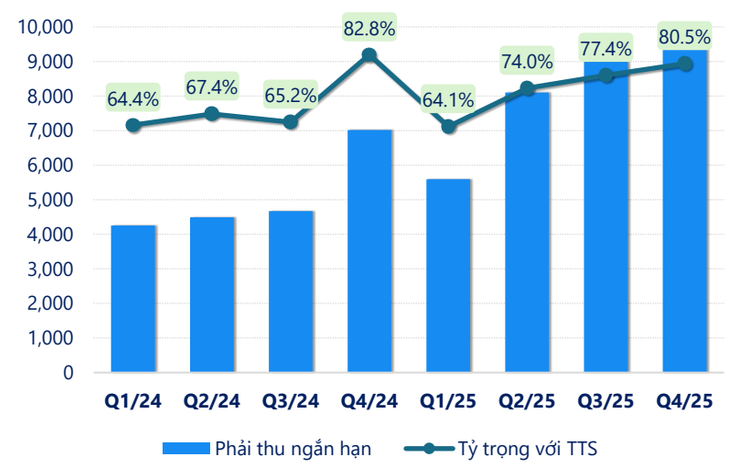
CTCP Tập đoàn Xây dựng SCG (HNX: SCG)

Tiền và tương đương tiền



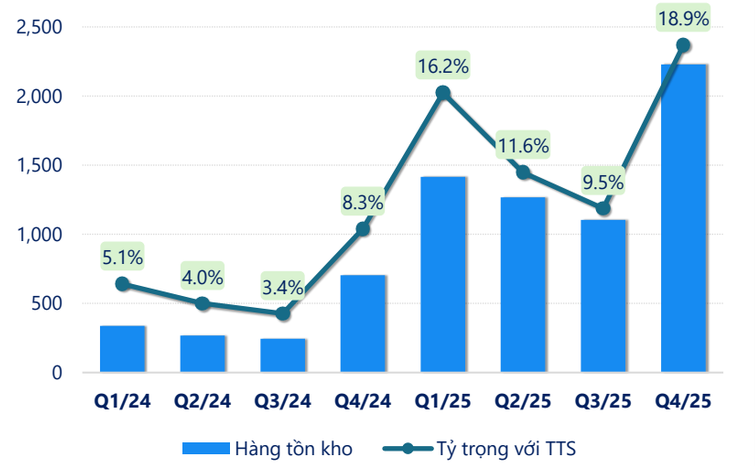
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



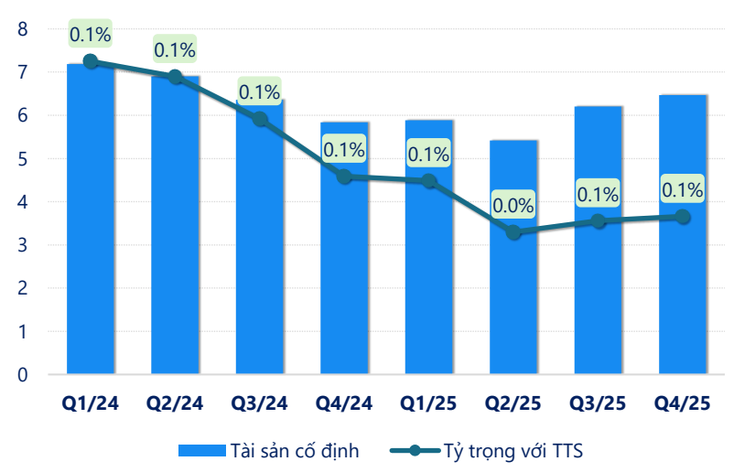
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



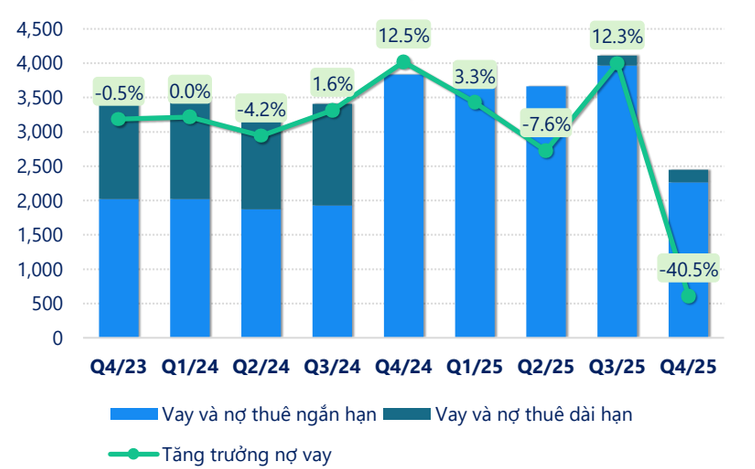
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



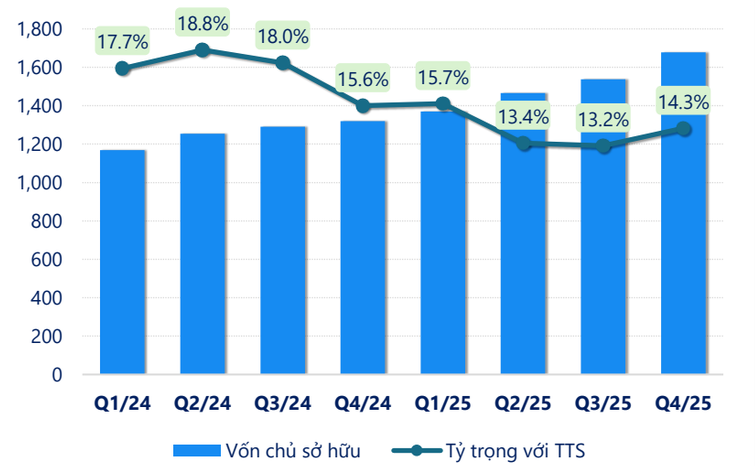
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

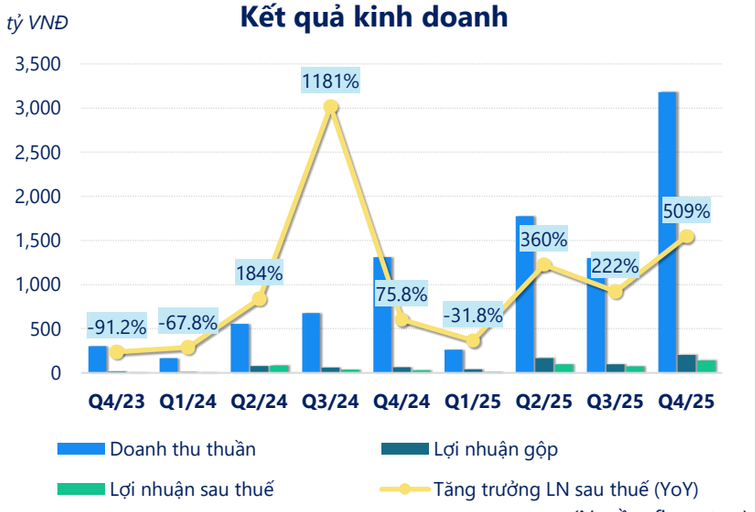


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

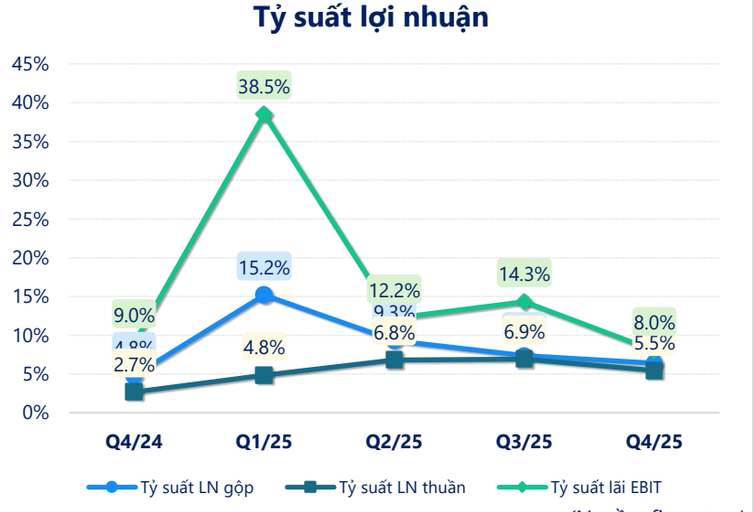
CTCP Tập đoàn Xây dựng SCG (HNX: SCG)

Kết quả kinh doanh



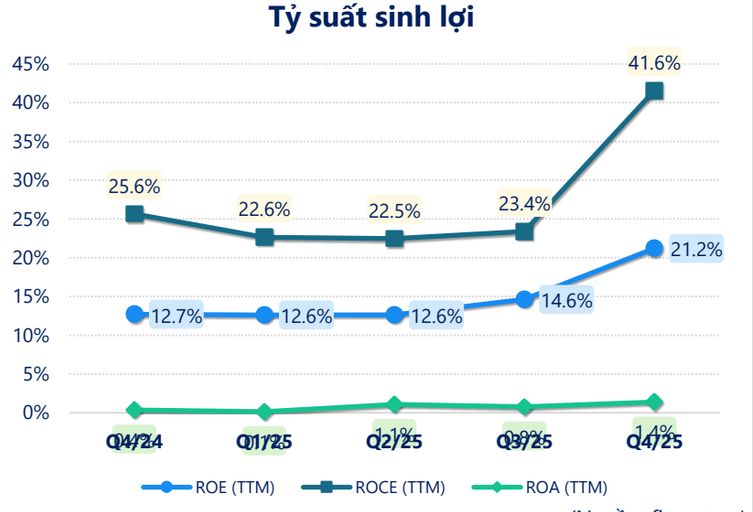
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



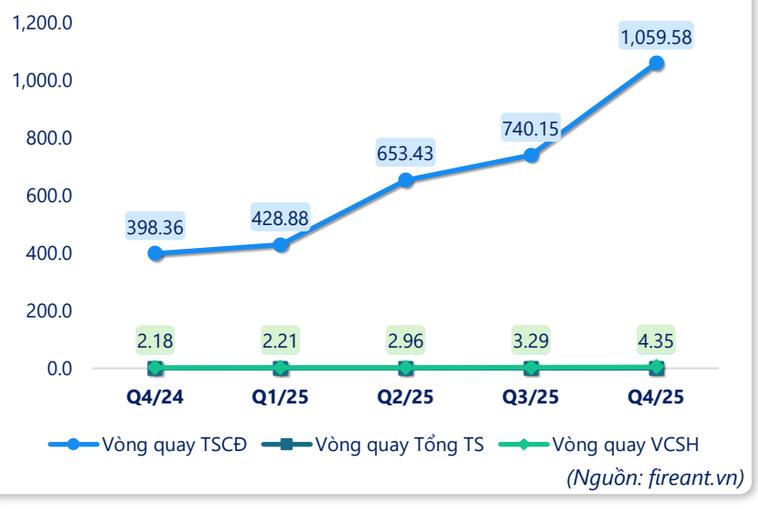
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



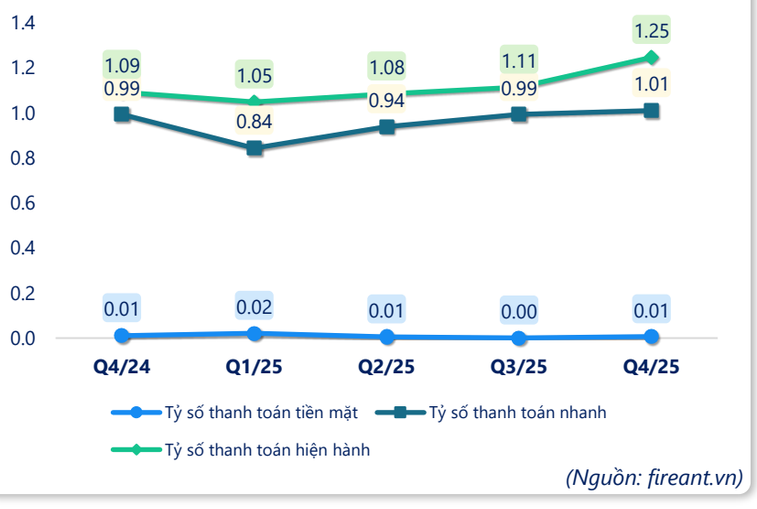
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



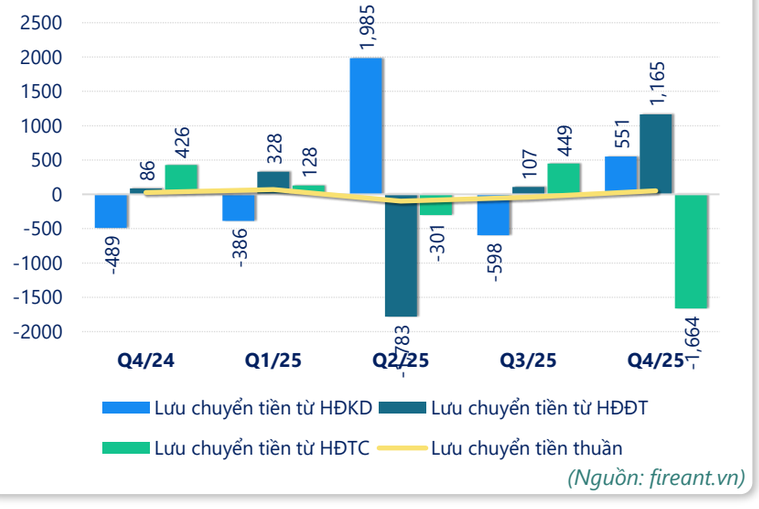
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

CTCP Tập đoàn Xây dựng SCG (HNX: SCG)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**11,770**	**8,502**	**38.4%**
Tài sản ngắn hạn	11,758	6,989	68.2%
Tiền và tương đương tiền	57.6	78.1	-26.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	9,471	6,162	53.7%
Hàng tồn kho	2,229	731	205%
Tài sản ngắn hạn khác	0.32	16.9	-98.1%
Tài sản dài hạn	**12.0**	**1,513**	**-99.2%**
Phải thu dài hạn	0	1,500	-100%
Tài sản cố định	6.47	6.35	1.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.78	0.78	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**4.78**	**5.61**	**-14.7%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	10,093	7,142	41.3%
Nợ ngắn hạn	**9,436**	**6,669**	**41.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2,263	3,835	-41.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	1,219	1,067	14.3%
Nợ dài hạn	657	473	38.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	184	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,677**	**1,360**	**23.4%**
Vốn chủ sở hữu	**1,677**	**1,360**	**23.4%**
Vốn điều lệ	850	850	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	1,309	263	1,775	1,301	3,181
Giá vốn hàng bán	1,246	223	1,610	1,205	2,978
Lợi nhuận gộp	62.8	40.0	165	95.9	204
Doanh thu HĐTC	84.4	80.9	73.6	113	93.7
Chi phí TC	84.2	89.2	97.4	95.5	94.3
Chi phí lãi vay	83.4	88.4	96.5	94.7	81.7
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	28.0	18.9	20.8	23.2	29.5
LN thuần từ HĐKD	35.1	12.7	121	90.0	173
Lợi nhuận khác	-0.44	0.24	-0.79	1.67	0.02
LN trước thuế	34.6	13.0	120	91.7	173
Lợi nhuận sau thuế	29.1	10.9	94.9	72.1	140
LNST của CĐ cty mẹ	28.5	10.8	95.2	72.3	140

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-489	-386	1,985	-598	551
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	86.2	328	-1,783	107	1,165
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	426	128	-301	449	-1,664
Tiền đầu kỳ	54.2	78.1	148	48.8	6.41
Lưu chuyển tiền thuần	**23.9**	**69.8**	**-99.0**	**-42.4**	**51.2**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	78.1	148	48.8	6.41	57.6

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic